



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 41

Ngày 26 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

06-12-2024	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND về việc cho ý kiến về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre theo khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ.	3
06-12-2024	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.	5
06-12-2024	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ban hành Danh mục các khu đất đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	10
06-12-2024	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025.	19
06-12-2024	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025.	42
06-12-2024	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị	50

hành chính và phát triển đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bến Tre đến năm 2030.

- | | | |
|------------|---|----|
| 06-12-2024 | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về việc phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của tỉnh Bến Tre năm 2025. | 54 |
| 06-12-2024 | Nghị quyết số 42/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương thực hiện Dự án Khôi phục và nâng cấp sông Ba Lai đoạn từ ngã ba Giao Hòa – Chệt Sậy đến cống đập Ba Lai. | 57 |
| 06-12-2024 | Nghị quyết số 43/NQ-HĐND kết quả giám sát về tiến độ xây dựng Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách. | 59 |
| 06-12-2024 | Nghị quyết số 44/NQ-HĐND về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025. | 63 |
| 06-12-2024 | Nghị quyết số 45/NQ-HĐND thành lập Đoàn giám sát về công tác quản lý và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh Bến Tre. | 72 |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre theo khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Xét Tờ trình số 7270/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ cụ thể thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua việc cho ý kiến về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre theo khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cụ thể như sau:

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng tối đa xe ô tô (chiếc)	Chủng loại	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	04		

1	Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng	01	Xe ô tô bán tải 05 chỗ ngồi	Thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ rừng; vận chuyển trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng; phân giới cắm mốc rừng
2	Chi cục Kiểm lâm	01	Xe ô tô bán tải 05 chỗ ngồi	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm
3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01	Xe ô tô bán tải 05 chỗ ngồi	Thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra phòng chống dịch bệnh động vật, thủy sản
4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	01	Xe ô tô bán tải 05 chỗ ngồi	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vận chuyển phân bón thuốc bảo vệ thực vật
II	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	02		
1	Trung tâm Bảo trợ và Cung cấp dịch vụ công tác xã hội	01	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Thực hiện nhiệm vụ bảo trợ xã hội
2	Trung tâm Điều dưỡng người có công	01	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Thực hiện nhiệm vụ phục vụ người có công

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định cụ thể về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre theo khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
- Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án
thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 7355/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư 03 dự án, bao gồm:

1. Điều chỉnh giảm hạng mục đầu tư trong nội dung quy mô đầu tư dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Nấm, huyện Giồng Trôm đã được phê duyệt tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các nội dung điều chỉnh được thể hiện trong Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Điều chỉnh giảm nội dung đầu tư trong quy mô đầu tư dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư, nguồn vốn và cơ cấu vốn dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) đã được phê duyệt tại Phụ lục V

ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các nội dung điều chỉnh được thể hiện trong Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Điều chỉnh nội dung về thời gian thực hiện của dự án Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã được phê duyệt tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết số Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các nội dung điều chỉnh được thể hiện trong Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

(Chi tiết nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư của các dự án tại Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kéo dài thời gian bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án cho 02 dự án hoàn thành năm 2024, gồm:

1. Kéo dài thời gian bố trí kế hoạch vốn đối với dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm đến năm 2024.

2. Kéo dài thời gian bố trí kế hoạch vốn đối với dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thanh, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) đến năm 2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục I**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP- TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP PHONG NẴM**

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

Tên dự án	Nội dung đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Nội dung điều chỉnh
Dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm	- Quy mô đầu tư: Hệ thống xử lý nước thải (gồm trạm xử lý nước thải, mặt bằng khu vực cây xanh). - Tổng mức đầu tư: 163.803 triệu đồng. - Cơ cấu nguồn vốn: đầu tư từ ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 28.803 triệu đồng và chuyển tiếp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 135.000 triệu đồng.	- Quy mô đầu tư: Điều chỉnh cắt giảm hạng mục đầu tư Hệ thống xử lý nước thải (gồm trạm xử lý nước thải, mặt bằng khu vực cây xanh). Các hạng mục đầu tư khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh - Tổng mức đầu tư: 80.952 triệu đồng. - Cơ cấu nguồn vốn: đầu tư từ ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 28.803 triệu đồng và chuyển tiếp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 53.149 triệu đồng.

Phụ lục II**DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ KÊU GỌI ĐẦU TƯ
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE (GIAI ĐOẠN 2)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Tên dự án	Nội dung đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 19/NQ- HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Nội dung điều chỉnh
Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	- Quy mô đầu tư: + Các hạng mục do nhà đầu tư thực hiện, gồm: san nền 37,193ha; trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải sau xử lý, tuyến ống dẫn nước thải sau xử lý ra sông Tiền; hệ thống cấp nước; thông tin liên lạc. - Tổng mức đầu tư: 675.463 triệu đồng. - Nguồn vốn, cơ cấu vốn: + Ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016- 2020 và chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 503.000 triệu đồng. + Phần do các nhà đầu tư thực hiện là 172.463 triệu đồng.	- Quy mô đầu tư: + Điều chỉnh cắt giảm toàn bộ nội dung đầu tư của Nhà đầu tư. Các hạng mục đầu tư khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre - Tổng mức đầu tư: 503.000 triệu đồng. - Nguồn vốn và cơ cấu vốn: + Ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016- 2020 và chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 503.000 triệu đồng. + Điều chỉnh cắt giảm nội dung cơ cấu vốn của nhà đầu tư

Phụ lục III**DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐÊ BAO NGĂN MẶN KẾT HỢP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI LIÊN CÁC HUYỆN BÌNH ĐẠI - BA TRI - THANH PHÚ**

(Kèm theo Nghị quyết số 36 /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

Tên dự án	Nội dung đã được phê duyệt tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09 tháng 02 năm 2020, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Nội dung điều chỉnh
Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nội liên các huyện Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	- Thời gian thực hiện dự án: + Giai đoạn 02: thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2024.	- Thời gian thực hiện dự án + Giai đoạn 02: thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Danh mục các khu đất đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 7792/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về Nghị quyết ban hành Danh mục các khu đất đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

(Chi tiết theo Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Danh mục các khu đất để thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Địa điểm	Kế hoạch tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Tiến độ tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Cơ quan tổ chức thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thông tin về thực trạng khu đất, sự phù hợp với quy hoạch	Đơn vị đề xuất ghi danh mục dự án
I	Lĩnh vực nhà ở (khu đô thị, khu dân cư nông thôn)						
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Tri	Xã An Bình Tây, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri	Năm 2025 - 2027	180 ngày	UBND huyện Ba Tri	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 20,8 ha.	- Sở Xây dựng - UBND huyện Ba Tri.
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới An Thủy 2	Thị trấn Tiệm Tôm, huyện Ba Tri	Năm 2025 - 2027	180 ngày	UBND huyện Ba Tri	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 34,68 ha.	- Sở Xây dựng - UBND huyện Ba Tri.

3	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Khu phố 4 thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam	Thị trấn Mỏ Cày và xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam	Năm 2025 - 2027	180 ngày	UBND huyện Mỏ Cày Nam	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 21,0359 ha.	- Sở Xây dựng; - UBND huyện Mỏ Cày Nam.
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc	Thị trấn Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc	Năm 2025 - 2027	180 ngày	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 22,94 ha.	- Sở Xây dựng; - UBND huyện Mỏ Cày Bắc.
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Đông Bình Đại, thị trấn Bình Đại	Xã Bình Thắc và thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 21,50 ha.	- Sở Xây dựng; - Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại.
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại	Thị trấn Bình Đại, xã Bình Thới, huyện Bình Đại	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 28,21 ha.	- Sở Xây dựng; - Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại.

7	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre	Xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 81,5 ha.	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre
8	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới An Thuận 2, thành phố Bến Tre	Xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 22,19 ha.	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre
9	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Đồng Khởi, thành phố Bến Tre	Xã Sơn Đông, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 49,32 ha.	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre
10	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phía Nam thành phố Bến Tre	Xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 87,95 ha.	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre

11	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre	Xã Nhơn Thạnh, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 284,5 ha.	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre
12	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới An Thuận 3, thành phố Bến Tre	Xã Mỹ Thạnh An, xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 51,727 ha.	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre
13	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Phú Nhuận 2, thành phố Bến Tre	Xã Mỹ Thạnh An, xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 216,89 ha.	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre
14	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Tây Bắc, thành phố Bến Tre	Phường 6, phường Phú Khương, phường Phú Tân, xã Bình Phú, xã Sơn Đông	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 487,38 ha.	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre

15	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới ven sông Hàm Luông, thành phố Bến Tre	Phường 7, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 181,9 ha.	Sở Xây dựng
16	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới phía Tây thành phố Bến Tre	Phường 6, phường 7, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 222,9 ha.	Sở Xây dựng
17	Dự án đầu tư phát triển khu đô thị mới - đô thị sinh thái thành phố Bến Tre	Phường 8, Phường Phú Khương, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Sở Xây dựng	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Thuộc Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. - Diện tích dự kiến: khoảng 87,40 ha.	Sở Xây dựng
II	Lĩnh vực môi trường						
1	Nhà máy xử lý rác An Hiệp	xã An Hiệp, huyện Ba Tri	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri	- Một phần đất do Nhà nước quản lý và một phần đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Diện tích dự kiến: khoảng 12,71 ha.	Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri

2	Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre (phần diện tích mở rộng 3,24 ha)	Xã Hữu Định, huyện Châu Thành	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	- Đất đang chuẩn bị giải phóng mặt bằng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Diện tích dự kiến: khoảng 3,24 ha.	Sở Tài nguyên và Môi trường
III Lĩnh vực khác							
1	Chợ Bình Thới	Xã Bình Thới, huyện Bình Đại	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại	- Đất do Nhà nước quản lý. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Diện tích dự kiến: khoảng 0,21 ha.	Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại
2	Chợ Rạch Đập	Xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam	- Đất do Nhà nước quản lý. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Diện tích dự kiến: khoảng 0,46 ha.	Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam
3	Chợ An Điền	Xã An Điền, huyện Thạnh Phú	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú	- Đất do Nhà nước quản lý. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Diện tích dự kiến: khoảng 0,33 ha.	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú
4	Chợ Thạnh Hải	Xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú	- Đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Diện tích dự kiến: khoảng 0,24 ha.	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú
5	Chợ Mỹ Hưng	Xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú	- Một phần đất do Nhà nước quản lý, một phần đất chưa giải phóng mặt bằng. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Diện tích dự kiến: khoảng 0,29 ha.	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú

6	Đầu tư xây dựng Nhà máy nước Phú Sơn	Xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách	Năm 2025 - 2027	180 ngày	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách	- Đất do Nhà nước quản lý. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất. - Diện tích dự kiến: khoảng 0,13 ha.	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách
Tổng cộng: 25 dự án							

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số:38/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 7320/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025 gồm 78 dự án với diện tích cần thu hồi là 2.326,55 ha. Trong đó, số dự án đăng ký mới là 08 dự án với diện tích cần thu hồi là 7,15 ha; số dự án chuyển tiếp là 70 dự án với diện tích cần thu hồi là 2.319,40 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 38 /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

S TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG CỘNG	2,400.50	2,326.55					
	Dự án chuyển tiếp	2,391.48	2,319.40					
	Dự án mới năm 2025	9.02	7.15					
I	THÀNH PHỐ BẾN TRE	1,900.34	1,900.11					
	Dự án chuyển tiếp	1,900.02	1,899.79					
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Tây Bắc, thành phố Bến Tre	487.38	487.38	Xã Sơn Đông, xã Bình Phú, Phường 6, phường Phú Tân, phường Phú Khương	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 62/NQ- HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2019, tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 có điều chỉnh tăng 357,78 ha, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 điều chỉnh tên dự án, giảm diện tích 3,81 ha đang thực hiện giải trình, bổ sung, hoàn chỉnh CTĐT theo công văn số 2947/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 18/4/2023 của Bộ KHĐT
2	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Đông Bắc, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre	28.20	28.20	Phường Phú Khương	Công ty TNHH đầu tư & Phát triển đô thị Phúc An Phát	Quyết định số 910/QĐ- UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định số 3414/QĐ- UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2020, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư

3	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Mỹ An, thành phố Bến Tre	48.80	48.80	Xã Mỹ Thạnh An	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Mỹ An	Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2020, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư
4	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Mỹ Hóa, thành phố Bến Tre	48.70	48.70	Xã Mỹ Thạnh An	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Mỹ Hóa	Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2020, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư
5	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre	81.50	81.50	Xã Mỹ Thạnh An	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 31/10/2020 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2021
6	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Đồng Khởi, thành phố Bến Tre	49.32	49.32	Xã Sơn Đông, phường Phú Tân	Lựa chọn Nhà đầu tư	Công văn số 5108/UBND-TCĐT ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2021
7	Nhà quản lý tại cổng Song Mã	0.05	0.05	Xã Bình Phú	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 824/QĐ-BNN-XD ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2022
8	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phía Nam, thành phố Bến Tre	87.95	87.95	Xã Mỹ Thạnh An	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2022

9	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới An Thuận 2, thành phố Bến Tre	22.19	22.19	Xã Mỹ Thạnh An	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2022
10	Đường giao thông	0.01	0.01	Phường 6	UBND thành phố Bến Tre	Công văn số 4887/UBND-NC ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về vụ việc của bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ngân sách thành phố Bến Tre	Chuyển tiếp từ năm 2022, cập nhật lại chủ trương đầu tư
11	Đường giao thông	0.01	0.01	Phường 7	UBND thành phố Bến Tre	Công văn số 6451/UBND-KT ngày 02/12/2020 về việc điều chỉnh quy hoạch	Ngân sách thành phố Bến Tre	Chuyển tiếp từ năm 2022
12	Cổng hăng nước mắm	0.10	0.10	Phường 7, xã Bình Phú	UBND thành phố Bến Tre	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Ngân sách thành phố Bến Tre	Chuyển tiếp từ năm 2023
13	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới An Thuận 3, thành phố Bến Tre	51.73	51.73	Xã Phú Nhuận, xã Mỹ Thạnh An	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2023
14	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre	284.50	284.50	Xã Nhơn Thạnh, xã Mỹ Thạnh An	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2023
15	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phía Tây thành phố Bến Tre	222.9	222.9	Phường 6, Phường 7, xã Bình Phú	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2023

16	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới ven sông Hàm Luông thành phố Bến Tre	181.90	181.90	Phường 7, xã Bình Phú	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2023
17	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Phú Nhuận 2, thành phố Bến Tre	216.89	216.89	Xã Mỹ Thạnh An, xã Phú Nhuận	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2023
18	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới - đô thị sinh thái thành phố Bến Tre	87.40	87.40	Xã Phú Hưng, phường 8, phường Phú Khương	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2020
19	Trường Mẫu giáo Nhơn Thạnh: xây dựng các lớp nhóm trẻ (chuyên thành trường Mầm non Nhơn Thạnh)	0.50	0.27	Xã Nhơn Thạnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Bến Tre	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của UBND thành phố Bến Tre; Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND thành phố Bến Tre (điều chỉnh chủ trương đầu tư)	Vốn đầu tư công thành phố Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025 và chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục thực hiện	Chuyển tiếp năm 2024, Điều chỉnh: tên dự án, tổng diện tích, diện tích thu hồi. Bổ sung CTĐT: Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 08/7/2024
Dự án mới năm 2025		0.32	0.32					
1	Nâng cấp, mở rộng đường cấp kênh Chín Tê (đoạn từ QL.60 đến điểm cuối kênh Chín Tê ra đường Nguyễn Thị Định)	0.32	0.32	Phường Phú Tân, xã Sơn Đông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Bến Tre	Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND thành phố Bến Tre	Ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025	
II	HUYỆN CHÂU THÀNH	3.24	3.24					
Dự án chuyển tiếp		3.24	3.24					

1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre	3.24	3.24	Xã Hữu Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2030	Chuyển tiếp năm 2023; Điều chỉnh tên dự án, cập nhật chủ trương đầu tư
III	HUYỆN GIỒNG TRÔM	55.20	55.20					
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>55.20</i>	<i>55.20</i>					
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Năm (Lô E, F, G, C)	14.50	14.50	Xã Phong Năm	UBND huyện Giồng Trôm	Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2021
2	Mở rộng Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Năm	40.70	40.70	Xã Phong Năm	UBND huyện Giồng Trôm	Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định 2099/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND huyện Giồng Trôm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh, vốn hỗ trợ từ chương trình khuyến công, vốn cân đối hàng năm của huyện, vốn của chủ đầu tư, vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp năm 2023
IV	HUYỆN MỎ CÀY BẮC	25.21	23.81					
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>23.04</i>	<i>23.04</i>					
1	Xây dựng đường N5 nối dài (đoạn từ cuối Quảng trường huyện đến cuối rào Viện kiểm sát nhân dân huyện)	0.10	0.10	Thị trấn Phước Mỹ Trung	UBND huyện	QĐ 2798/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp năm 2024

2	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc	22.94	22.94	Thị trấn Phước Mỹ Trung	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp năm 2023
Dự án mới năm 2025		2.17	0.77					
1	Di tích căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (Y4)	2.17	0.77	Xã Tân Phú Tây	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công văn số 1977/UBND-KGVX ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh Bến Tre	Xã hội hóa	Dự án hợp tác song phương và đang thỏa thuận với TP.Hồ Chí Minh, theo Bản thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2025.
V	HUYỆN MỎ CÀY NAM	28.06	26.42					
Dự án chuyển tiếp		25.35	23.71					
1	Tuyến đường dây 220kV đầu nối ngăn lộ, xuất tuyến nhà máy điện gió Hải Phong - Các cụm nhà máy điện gió Hải Phong I-V về trạm 220kV Mỏ Cày	3.00	1.36	Xã Minh Đức, Tân Trung, Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy, Tân Hội, Thị Trấn Mỏ Cày.	Công ty Cổ phần Tân Hoàn Cầu Thạnh Phú	Các Quyết định chủ trương đầu tư số: 2787/QĐ-UBND, 2788/QĐ-UBND, 2789/QĐ-UBND, 2790/QĐ-UBND, 2791/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Bến Tre; các Quyết định chủ trương đầu tư số 3030/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 và Quyết định số 169/QĐ-UBND, số 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Bến Tre	Nguồn vốn của nhà đầu tư	Chuyển tiếp năm 2020. Điều chỉnh tổng diện tích dự án.
2	Dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Tuyên Linh	0.25	0.25	Xã Minh Đức	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công văn số 2294/UBND-KGVX ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh	Nghân sách nhà nước	Chuyển tiếp năm 2023, Điều chỉnh tổng diện tích và diện tích thu hồi đất

3	Trường Mẫu giáo Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam	0.42	0.42	Xã Thành Thới B	UBND huyện Mỏ Cày Nam	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 – 2030	Chuyển tiếp năm 2024
4	Trường Mẫu giáo Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam	0.52	0.52	Xã Thành Thới A	UBND huyện Mỏ Cày Nam	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 – 2030	Chuyển tiếp năm 2024

5	Trường Mẫu giáo Đa Phước Hội	0.12	0.12	Xã Đa Phước Hội	UBND huyện Mỏ Cày Nam	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 – 2030	Chuyển tiếp năm 2024
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Khu phố 4, thị trấn Mỏ Cày	21.04	21.04	Thị trấn Mỏ Cày, xã Đa Phước Hội	Lựa chọn Nhà đầu tư	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua chủ trương đầu tư	Nhà đầu tư	Chuyển tiếp năm 2021, tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh điều chỉnh tổng diện tích, diện tích thu hồi
	Dự án mới năm 2025	2.71	2.71					
1	Đường ĐH.DK.43 (đoạn từ QL.57 đến QL.60 mới)	2.71	2.71	Xã Đa Phước Hội và An Thạnh	Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 – 2030	
VI	HUYỆN BA TRI	74.54	74.46					
	Dự án chuyển tiếp	74.42	74.34					

1	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Tri, huyện Ba Tri	21.02	21.02	Xã An Bình Tây, thị trấn Ba Tri	Lựa chọn nhà đầu tư	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp năm 2020, tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 điều chỉnh bổ sung diện tích
2	Đường đi nông thôn sau chợ Tân An	0.10	0.02	Xã Tân Thủy	UBND xã Tân Thủy	Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri	Xã hội hóa	Chuyển tiếp năm 2020
3	Nhà máy điện gió Bảo Thạnh	13.80	13.80	Các xã: Bảo Thạnh, Phước Ngải, Phú Lễ, An Bình Tây, thị trấn Ba Tri	Công ty TNHH Điện gió Việt Năng Bền Tre	Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 15/12/2020, Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 27/4/2021, Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp năm 2021, tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 đổi tên chủ đầu tư
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới An Thủy 2	34.68	34.68	Thị trấn Tiệm Tôm	Lựa chọn nhà đầu tư	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND tỉnh	Nhà đầu tư	Chuyển tiếp năm 2023
5	Đầu tư, mở rộng Bãi rác An Hiệp, huyện Ba Tri (giai đoạn 2)	4.82	4.82	Xã An Hiệp	UBND huyện Ba Tri	Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Bến Tre	Ngân sách Nhà nước	Chuyển tiếp năm 2024
Dự án mới năm 2025		0.12	0.12					
1	Đền thờ Lang Lại Nhị Đại tướng quân	0.12	0.12	Xã An Hiệp	UBND huyện Ba Tri	Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND huyện Ba Tri	Ngân sách huyện	
VII	HUYỆN BÌNH ĐẠI	144.27	134.88					
Dự án chuyển tiếp		142.67	133.69					

1	Dự án Nhà máy điện gió tại ô số 19	17.50	17.50	Xã Thừa Đức, xã Thới Thuận	Công ty TNHH Điện gió Đức Thuận Bến Tre	Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 25/9/2021 và QĐ số 1835/UBND-TCĐT ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh; QĐ số 569/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh	Công ty TNHH Điện gió Đức Thuận Bến Tre	Chuyển tiếp năm 2021, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư và nhà đầu tư
2	Nhà máy điện gió Sunpro	10.40	6.50	Xã Thới Thuận, Thạnh Phước, Đại Hòa Lộc, Thạnh Trị, Bình Thới	Công ty TNHH Điện gió Sunpro - Bến Tre số 8	Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 21/9/2018; Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 và Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp năm 2019, tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 điều chỉnh tên dự án, cập nhật chủ trương đầu tư; tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 điều chỉnh tên dự án và cập nhật địa điểm thực hiện; Điều chỉnh tổng diện tích thực hiện dự án
3	Dự án nhà máy điện gió tại ô số 20 tỉnh Bến Tre	17.50	17.50	Xã Thạnh Phước, xã Thới Thuận	Công ty TNHH Điện gió Phước Thuận Bến Tre	Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 25/9/2021; Quyết định số 1836/UBND-TCĐT ngày 06/4/2021 và Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp năm 2021, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư và nhà đầu tư; Nghị quyết số 26/NQ-NĐND ngày 07/12/2023 cập nhật diện tích
4	Trạm biến áp 220kV Bình Đại	5.00	5.00	Xã Thạnh Phước	Công ty TNHH Điện gió Đức Thuận Bến Tre	Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 25/9/2021; Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 06/4/2021; Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp năm 2021, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư và nhà đầu tư
5	Móng trụ đường dây 110kV thuộc nhà máy điện gió Bình Đại	0.15	0.15	Xã Thừa Đức, Thạnh Phước, Đại Hòa Lộc	Công ty cổ phần điện gió Mê Kông	Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 và Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2022

6	Nhà máy điện gió Bình Đại số 3: - Hàng mục: Bến neo đầu phương tiện thủy sản phục vụ vận hành; trạm chuyển đổi cáp ngầm	5.50	1.40	Xã Thừa Đức	Công ty cổ phần điện gió Mê Kông	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 và Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2022
7	Nhà máy điện gió V.P.L Bến Tre (Giai đoạn 2) - Đường dây 22kV (bao gồm đường dây 22kV trên không và cáp ngầm 22kV)	9.95	9.95	Xã Thừa Đức Xã Thới Thuận	Công ty cổ phần năng lượng V.P.L	Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2021
8	Nhà máy điện gió V.P.L Bến Tre (Giai đoạn 1) - Bến thủy nội địa thuộc hạng mục Nhà quản lý vận hành	0.03	0.03	Xã Thới Thuận	Công ty cổ phần năng lượng V.P.L	Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2022
9	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Đông Bình Đại, thị trấn Bình Đại	21.50	21.50	TT. Bình Đại, Xã Bình Thắng	Lựa chọn nhà đầu tư	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2023
10	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại	28.21	28.21	Thị trấn Bình Đại, xã Bình Thới	Lựa chọn nhà đầu tư	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2023

11	Đường dây 110kV Phú Thuận - 110kV Bình Đại	1.50	1.10	Xã Phú Thuận, Vang Quới Đông, Vang Quới Tây, Phú Vang, Lộc Thuận, Định Trung, Bình Thới	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương và Quyết định số 538/QĐ-EVN SPC ngày 12/2/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nguồn vốn vay cơ quan phát triển Pháp (AFD)	Chuyển tiếp từ năm 2021
12	Trạm biến áp 110kV Phú Thuận	0.60	0.02	Xã Phú Thuận	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương và Quyết định số 307/QĐ-EVN SPC ngày 22/1/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nguồn vốn vay cơ quan phát triển Pháp (AFD)	Chuyển tiếp từ năm 2021
13	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Bình An, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	24.83	24.83	Thị trấn Bình Đại	Lựa chọn nhà đầu tư	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2019 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2020
Dự án mới năm 2025		1.61	1.19					
1	Cải tạo nâng cấp Đền thờ đồng chí Huỳnh Tấn Phát thành khu lưu niệm	1.40	0.98	Xã Châu Hưng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; Công văn số 1977/UBND-KGVX ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh Bến Tre	Xã hội hóa	Dự án hợp tác song phương và đang thỏa thuận với TP.Hồ Chí Minh, theo Bản thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2025.

2	Chợ Bình Thới	0.21	0.21	Xã Bình Thới	Lựa chọn Nhà đầu tư	Công văn số 1764/UBND-TCĐT ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Bến Tre về việc chủ trương đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng chợ xã Bình Thới; Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh Bến Tre về việc điều chỉnh Phương án đầu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 211, tờ bản đồ số 12 xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre để thực hiện đầu tư chợ xã Bình Thới	Nhà đầu tư	
VII	HUYỆN THẠNH PHÚ	153.43	95.24					
I	Dự án chuyển tiếp	153.10	94.97					
1	Dự án điện gió Nexif Energy Bến Tre (gồm cả 03 giai đoạn); tuyến đường dây đầu nối 35kV/110kV; cáp ngầm 35kV; trạm biến áp 110kV; bến thủy nội địa và đường vào bến thủy, nhà điều hành và các hạng mục khác	15.00	1.61	Xã Thạnh Hải	Công ty TNHH MTV Nexif Energy Bến Tre	Quyết định chủ trương đầu tư số 3294/QĐ-UBND ngày 17/12/2020; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1065/QĐ-UBND ngày 13/5/2021; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1804/QĐ-UBND ngày 29/7/2021; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1613/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1090/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư	Chuyển tiếp năm 2017, tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 26/9/2021 điều chỉnh tên hạng mục; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư, gộp dự án giai đoạn 1, 2, 3 theo chủ trương đầu tư 3 giai đoạn dùng chung hạ tầng; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/12/2023, cập nhật chủ trương đầu tư

2	Nhà máy điện gió Thiên Phú và Thiên Phú 2 (vị trí số 6 và vị trí số 3) và trạm cắt 110kV, đường dây đầu nối 35kV, đường dây 110kV; đường dây 220kV, 02 ngăn xuất tuyến tại trạm 110kV Bình Thạnh, trạm biến áp, nhà điều hành; đường giao thông	33.00	33.00	Xã Bình Thạnh, An Thuận, An Qui, An Điền và Thạnh Hải	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng Thiên Phú	Quyết định chủ trương đầu tư số 2218/QĐ-UBND và Quyết định chủ trương đầu tư số 2219/QĐ-UBND, ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2719/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 và Quyết định chủ trương đầu tư số 2720/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2018, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 điều chỉnh tên dự án
3	Nhà máy điện gió Thạnh Phú	42.00	41.43	Xã An Nhơn, An Qui, An Điền, An Thuận và Bình Thạnh	Công ty TNHH MTV năng lượng Thạnh Phú Bến Tre	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 417/UBND-TCĐT ngày 25/01/2021; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1500/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp năm 2020, tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 bổ sung địa điểm thực hiện, Cập nhật diện tích thu hồi đất; Tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án; bổ sung Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

4	Trạm biến áp, nhà điều hành, tuyến đường dây 220kV đấu nối Nhà máy điện gió Hải Phong - Các Cụm nhà máy điện gió Hải Phong I-II về trạm 220 kV Mô Cày	6.00	6.00	Xã Thạnh Hải, An Điền, An Qui, Mỹ An, Quới Điền, Đại Điền, Phú Khánh	Công ty Cổ phần Tân Hoàn Cầu Thạnh Phú	Quyết định chủ trương đầu tư số 3030/QĐ-UBND và Quyết định chủ trương đầu tư số 3031/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định số 169/QĐ-UBND, số 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 196/QĐ-UBND, số 197/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư	Chuyển tiếp năm 2020, tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 cập nhật chủ trương đầu tư; Điều chỉnh vị trí thực hiện dự án và cập nhật chủ trương đầu tư, tên chủ đầu tư
5	Trung tâm điều hành nhà máy điện gió Hải Phong, trạm biến áp và các công trình phụ trợ	8.50	8.50	Xã Thạnh Hải, An Điền, An Qui, Mỹ An, Quới Điền, Đại Điền, Phú Khánh	Công ty Cổ phần Tân Hoàn Cầu Thạnh Phú	Quyết định số 3030/QĐ-UBND và Quyết định số 3031/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 169/QĐ-UBND, 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 196/QĐ-UBND, 197/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2021, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư; Cập nhật chủ trương đầu tư, tên chủ đầu tư
6	Dự án nhà máy điện gió số 5 (giai đoạn 2)	31.50	2.50	Xã Thạnh Hải	Công ty CP Tân Hoàn Cầu Bến Tre	Quyết định chủ trương đầu tư số 3336/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 và Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Bến Tre	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2021; Điều chỉnh tên dự án

7	Trường Mầm non Mỹ Hưng	0.40	0.12	Xã Mỹ Hưng	UBND huyện Thanh Phú	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Bến Tre	Vốn ngân sách tỉnh (xổ số kiến thiết) thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025	Chuyển tiếp từ năm 2024
8	Trường Mầm non Hòa Lợi	0.60	0.60	Xã Hòa Lợi	UBND huyện Thanh Phú	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Bến Tre	Vốn ngân sách tỉnh (xổ số kiến thiết) thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025	Chuyển tiếp từ năm 2024
9	Trường Mầm non Thạnh Hải	0.57	0.19	Xã Thạnh Hải	UBND huyện Thanh Phú	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Bến Tre	Vốn ngân sách tỉnh (xổ số kiến thiết) thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025	Chuyển tiếp từ năm 2024
10	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ Hồ Cỏ, xã Thạnh Hải	0.29	0.29	Xã Thạnh Hải	UBND huyện Thanh Phú	Công văn số 4703/UBND-KT ngày 30/12/2022 của UBND huyện Thanh Phú	Nguồn vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Chuyển tiếp từ năm 2024

11	Nhà máy điện gió Thanh Phong (trạm nâng áp, nhà điều hành, turbine, tuyến đường dây đầu nối, ngăn lộ xuất tuyến)	15.00	0.50	Xã Bình Thạnh, An Thuận, An Qui, An Điền, Thanh Hải	Công ty Cổ phần năng lượng ECOWIN	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 1609/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1048/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định điều chỉnh Chủ trương đầu tư số 2999/QĐ-UBND ngày 13/12/2021; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 195/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh Bến Tre.	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2018, tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 cập nhật lại tổng diện tích theo chủ trương đầu tư; Cập nhật chủ trương đầu tư
12	Chợ Thanh Hải	0.24	0.24	Xã Thanh Hải	Lựa chọn Nhà đầu tư	Công văn số 1420/UBND-KT ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Phú	Chủ đầu tư	Chuyển tiếp từ năm 2022
Dự án mới năm 2025		0.33	0.27					
1	Chợ An Điền	0.33	0.27	Xã An Điền	Lựa chọn Nhà đầu tư		Chủ đầu tư	
X	LIÊN HUYỆN	16.21	13.19					
Dự án chuyển tiếp		14.44	11.42					
1	Trạm 110kV An Hiệp và đường dây 110kV từ 220kV Bến Tre - 110kV An Hiệp, tỉnh Bến Tre	2.37	0.40	Xã Sơn Hòa, An Hiệp, Tường Đa, huyện Châu Thành; xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương và Quyết định số 1678/QĐ-EVN SPC ngày 28/05/2019, Quyết định số 77/QĐ-EVN SPC ngày 16/01/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Vốn vay thương mại và vốn của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Chuyển tiếp từ năm 2018, tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 có điều chỉnh chủ trương đầu tư, tên dự án

2	Đường dây 110kV Giao Long – 110kV Phú Thuận	0.80	0.25	Xã Long Định, Phú Thuận – huyện Bình Đại; xã Giao Long, Giao Hòa (nay là xã Giao Long), An Hóa – Huyện Châu Thành	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương và Quyết định số 4386/QĐ-EVN SPC ngày 19/12/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Vốn vay cơ quan phát triển Pháp (AFD)	Chuyển tiếp năm 2018, tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 có điều chỉnh tăng diện tích 0,4 ha
3	Đường dây 110kV Ba Tri - Bình Thạnh	1.40	0.90	Các xã: An Bình Tây, thị trấn Ba Tri, An Đức, An Hiệp, huyện Ba Tri; các xã: Mỹ An, An Thạnh, thị trấn Thạnh Phú, Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/1/2017 của Bộ Công thương và Quyết định số 312/QĐ-EVN SPC ngày 22/01/2019 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Nguồn vốn vay cơ quan phát triển Pháp (AFD)	Chuyển tiếp năm 2021, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 điều chỉnh diện tích tăng 0,5 ha
4	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây 110kV Bến Tre 2 - Mô Cày 2 - Mô Cày	0.68	0.68	Xã Sơn Đông, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre; xã Thanh Tân, Tân Thành Bình, Hòa Lộc, huyện Mô Cày Bắc; xã Tân Hội, huyện Mô Cày Nam	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	Quyết định số 1497/QĐ-EVN SPC ngày 05/12/2022 của Tổng công ty Điện lực miền Nam; - Quyết định số 2698/QĐ-EVN SPC ngày 03/7/2020 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam; - QĐ số 2395/QĐ-EVN SPC ngày 05/12/2022 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Vốn vay thương mại và vốn của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Chuyển tiếp năm 2021, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 nhập dự án Nâng cấp đường dây 110kV Bến Tre 2 - Mô Cày và dự án Nâng cấp đường dây 110kV Bến Tre 2 - Mô Cày 2 - Mô Cày, giảm 3,68ha so với Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, cập nhật nguồn vốn theo Công văn số 3451/PCBTr-QLDA ngày 01/9/2021 của Công ty điện lực Bến Tre

5	Đường dây 220kV Bình Đại - Bến Tre	4.40	4.40	Xã Sơn Đông, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre; xã Hữu Định, huyện Châu Thành; xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm; xã Châu Hưng, Thới Lai, Lộc Thuận, Phú Long, Thanh Trị, Đại Hòa Lộc, Thanh Phước, Long Hòa, huyện Bình Đại	Công ty TNHH điện gió Đức Thuận Bến Tre	Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 và Công văn số 1835/UBND - TCĐT ngày 06/4/2021, số 569/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh	Công ty TNHH điện gió Đức Thuận Bến Tre	Chuyển tiếp năm 2021, tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 cập nhật chủ trương đầu tư và nhà đầu tư; Nghị quyết số 06/NQ-NĐND ngày 05/7/2023 bổ sung (tăng) 0,9ha do điều chỉnh hướng tuyến đường dây theo Công văn số 8017/UBND-KT ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh
6	Xây dựng 110kV mạch kép từ Trạm 220kV Bến Tre đi Trạm 220kV Mỹ Tho, tiết diện phân pha 2xACSR 240	1.35	1.35	Xã Sơn Đông - Thành phố Bến Tre, các xã: An Khánh, Tam Phước, Hữu Định - huyện Châu Thành	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/1/2017 của Bộ Công Thương	Vốn của Tổng công ty điện lực miền Nam	Chuyển tiếp từ năm 2022, tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 điều chỉnh tên theo Công văn số 4589/BCT-ĐL ngày 24/6/2020 của Bộ Công Thương

7	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây 110kV Mỏ Cày – Bình Thạnh	0.56	0.56	Các xã: Tân Hội, Đa Phước Hội, An Định, An Thới, Ngãi Đăng, Cẩm Sơn, Hương Mỹ – huyện Mỏ Cày Nam. Các xã: Thới Thạnh, Quới Điền, Hòa Lợi, Mỹ Hưng, Bình Thạnh, Thị trấn Thạnh Phú - huyện Thạnh Phú	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương	Vốn của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Chuyển tiếp từ năm 2022, tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 điều chỉnh tăng 0,06 ha theo Công văn số 2084/SCT-QLNL ngày 20/9/2022 của Sở Công Thương
8	Xây dựng đường dây 110kV mạch 2 từ 220kV Bến Tre - Trạm 110kV Giồng Trôm, tiết diện phân pha 2xACSR 240	0.14	0.14	Xã Sơn Đông - Thành phố Bến Tre; Thị trấn Giồng Trôm - huyện Giồng Trôm	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Văn bản số 911/TTg-CN ngày 15/7/2020 của Thủ Tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch danh mục lưới điện đầu nổi các dự án điện gió	Vốn của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Chuyển tiếp từ năm 2023
9	Cải tạo, nâng khả năng tải ĐD 110kV Giồng Trôm – Ba Tri	1.45	1.45	Các xã: Thị trấn Giồng Trôm, Xã Bình Thành, Xã Tân Thanh, Xã Hưng Nhượng - huyện Giồng Trôm. Các xã: An Ngãi Tây, Xã An Bình Tây - huyện Ba Tri	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Văn bản số 911/TTg-CN ngày 15/7/2020 của Thủ Tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch danh mục lưới điện đầu nổi các dự án điện gió	Vốn của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Chuyển tiếp năm 2023, tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 1,38ha lên 1,45ha (tăng 0,07ha) theo đăng ký của Công ty Điện lực Bến Tre tại Công văn số 4393/PCBT-QLDA ngày 26/9/2023; Chuẩn xác lại tuyến qua địa bàn huyện Ba Tri: gồm xã An Ngãi Tây (thay cho xã An Ngãi Trung), xã An Bình Tây.

10	Xây dựng đường dây mạch 2 từ 110kV Giồng Trôm – Ba Tri, tiết diện phân pha 2xACSR 240.	1.29	1.29	Các xã: Bình Thành, Tân Thanh, Hưng Nhượng, Thị trấn Giồng Trôm – huyện Giồng Trôm. Các xã: An Ngãi Trung, An Bình Tây - huyện Ba Tri	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương	Vốn của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Chuyển tiếp năm 2024
Dự án mới năm 2025		1.77	1.77					
1	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV từ 175 Bến Tre 2 – Giồng Trôm (trụ 130A)	1.77	1.77	Xã Sơn Đông, Phú Hưng, phường Phú Tân, Phường Phú Khương - thành phố Bến Tre; xã Hữu Định - Huyện Châu Thành; xã Phong Nẫm, Lương Hòa, Lương Quới, Châu Hòa, Thị trấn Giồng Trôm - huyện Giồng Trôm	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương; Quyết định số 2698/QĐ-EVN SPC ngày 01/8/2016 về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của Tổng công ty Điện lực Miền Nam	Vốn của Tổng công ty Điện lực miền Nam	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 39/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa
bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 7309/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất
trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh
tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa
trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025 gồm 19 dự án với diện tích chuyển mục
đích sử dụng đất trồng lúa 57,34 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy
định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 39 /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó		Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG CỘNG diện tích chuyển mục đích năm 2025		183.08	57.34			
I	HUYỆN GIỒNG TRÔM		59.22	18.20			
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Năm (Lô E, F, G, C)	Xã Phong Năm	14.50	8.30		Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND tỉnh Bến Tre	
2	Dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Năm	Xã Phong Năm	44.72	9.90		Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Bến Tre	
II	HUYỆN MỎ CÀY BẮC		23.37	2.00			
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Tân Thành Bình	23.37	2.00		Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của UBND tỉnh Bến Tre	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh từ 9,5ha thành 2,0ha

III	HUYỆN BA TRI		20.92	11.32			
1	Đền thờ Lang Lại Nhị Đại tướng quân	Xã An Hiệp	0.12	0.12		Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND huyện Ba Tri	
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Thị trấn - An Đức (giai đoạn 3)	Xã An Đức, thị trấn Ba Tri	20.80	11.20		Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bến Tre	
IV	HUYỆN THẠNH PHÚ		48.58	13.06			
1	Nhà máy điện gió Thạnh Phú	Xã An Nhơn, An Qui, An Điền, An Thuận và Bình Thạnh	42.00	9.95		Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 417/UBND-TCĐT ngày 25/01/2021; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1500/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Bến Tre	
2	Trường Trung học cơ sở Tân Phong	Xã Tân Phong	0.58	0.11		Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt dự án	

3	Trạm biến áp, nhà điều hành, tuyến đường dây 220kV đầu nối Nhà máy điện gió Hải Phong - Các Cụm nhà máy điện gió Hải Phong I-II về trạm 220 kV Mỏ Cày	Xã Thanh Hải, An Điền, An Qui, Mỹ An, Quới Điền, Đại Điền, Phú Khánh	6.00	3.00	Quyết định chủ trương đầu tư số 3030/QĐ-UBND và Quyết định chủ trương đầu tư số 3031/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định số 169/QĐ-UBND, số 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 196/QĐ-UBND, số 197/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh Bến Tre	
V	LIÊN HUYỆN		30.99	12.76		
1	Đường Bắc Nam phục vụ khu công nghiệp Phú Thuận và cụm công nghiệp Phong Nẫm (ĐT.DK.08)	Huyện Bình Đại, Giồng Trôm	18.36	8.70	Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Cập nhật diện tích chuyển mục đích đất lúa (tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 diện tích CMĐ đất lúa là 9,9ha)
2	Đường dây 110kV Ba Tri - Bình Thạnh	Các xã: An Bình Tây, thị trấn Ba Tri, An Đức, An Hiệp, huyện Ba Tri; các xã: Mỹ An, An Thạnh, thị trấn Thạnh Phú, Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú	1.40	0.30	Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/1/2017 của Bộ Công thương; Quyết định số 312/QĐ-EVN SPC ngày 22/01/2019 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 (Diện tích chuyển mục đích lúa trên địa bàn huyện Ba Tri)

3	Trạm 110kV An Hiệp và đường dây 110kV từ 220kV Bến Tre - 110kV An Hiệp, tỉnh Bến Tre	Xã Sơn Hòa, An Hiệp, Tường Đa, huyện Châu Thành; xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre	2.37	0.01		Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương và Quyết định số 1678/QĐ-EVN SPC ngày 28/05/2019, Quyết định số 77/QĐ-EVN SPC ngày 16/01/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Nam	
4	Đường dây 110kV Phú Thuận - 110kV Bình Đại	Xã Phú Thuận, Vang Quới Đông, Vang Quới Tây, Phú Vang, Lộc Thuận, Định Trung, Bình Thới	1.50	0.30		Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương và Quyết định số 538/QĐ-EVN SPC ngày 12/2/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam	
5	Đường dây 110kV Giao Long – 110kV Phú Thuận	Xã Long Định, Phú Thuận – huyện Bình Đại; xã Giao Long, Giao Hòa (nay là xã Giao Long), An Hóa – huyện Châu Thành	0.80	0.10		Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương và Quyết định số 4386/QĐ-EVN SPC ngày 19/12/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam	
6	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV từ 175 Bến Tre 2 – Giồng Trôm (trụ 130A)	Xã Sơn Đông, Phú Hưng, Phú Tân, Phường Phú Khương -thành phố Bến Tre. Xã Hữu Định - huyện Châu Thành. Xã Phong Nẫm, Lương Hòa, Lương Quới, Châu Hòa, Thị trấn Giồng Trôm - huyện Giồng Trôm	1.77	1.70		Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 của Bộ Công Thương; Quyết định số 2698/QĐ-EVN SPC ngày 01/8/2016 về việc Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của Tổng công ty Điện lực Miền Nam	

7	Xây dựng 110kV mạch kép từ Trạm 220kV Bến Tre đi Trạm 220kV Mỹ Tho, tiết diện phân pha 2xACSR 240	Xã Sơn Đông - thành phố Bến Tre, các xã: An Khánh, Tam Phước, Hữu Định - huyện Châu Thành	1.35	0.14		Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/1/2017 của Bộ Công Thương	
8	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây 110kV Mỏ Cày – Bình Thạnh	Các xã: Tân Hội, Đa Phước Hội, An Định, An Thới, Ngãi Đăng, Cẩm Sơn, Hương Mỹ – huyện Mỏ Cày Nam. Các xã: Thới Thạnh, Quới Điền, Hòa Lợi, Mỹ Hưng, Bình Thạnh, Thị trấn Thạnh Phú - huyện Thạnh Phú	0.56	0.10		Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/1/2017 của Bộ Công Thương	
9	Cải tạo, nâng khả năng tải ĐD 110kV Giồng Trôm – Ba Tri	Các xã: Thị trấn Giồng Trôm, xã Bình Thành, xã Tân Thanh, xã Hưng Nhượng - huyện Giồng Trôm. Các xã: An Ngãi Tây, xã An Bình Tây - huyện Ba Tri	1.45	0.67		Văn bản số 911/TTg-CN ngày 15/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch danh mục lưới điện đấu nối các dự án điện gió	
10	Xây dựng đường dây 110kV mạch 2 từ 220kV Bến Tre – Trạm 110kV Giồng Trôm, tiết diện phân pha 2xACSR 240	Xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre; Thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm	0.14	0.07		Văn bản số 911/TTg-CN ngày 15/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch danh mục lưới điện đấu nối các dự án điện gió	

11	Xây dựng đường dây mạch 2 từ 110kV Giồng Trôm – Ba Tri, tiết diện phân pha 2xACSR 240	Các xã: Bình Thành, Tân Thanh, Hưng Nhượng, Thị trấn Giồng Trôm – huyện Giồng Trôm. Các xã: An Ngãi Trung, An Bình Tây - huyện Ba Tri	1.29	0.67		Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/1/2017 của Bộ Công Thương	
----	--	--	------	------	--	---	--

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT**Thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và phát triển đơn vị
hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bến Tre đến năm 2030****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;**Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị;**Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;**Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;**Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;**Căn cứ Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;**Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;**Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng*

Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 7263/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết thông qua Đề án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bến Tre đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua chủ trương về định hướng sắp xếp đơn vị hành chính và phát triển đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bến Tre đến năm 2030 như sau:

1. Thành lập các đơn vị hành chính đô thị cấp xã giai đoạn 2023 - 2025

a) Thành lập các phường thuộc thành phố Bến Tre: (1) phường Phú Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Hưng; (2) phường Sơn Đông trên cơ sở 7,69 km² diện tích tự nhiên của xã Sơn Đông; (3) phường Bình Phú trên cơ sở diện tích tự nhiên 9,16 km² của xã Bình Phú.

Điều chỉnh 03 km² diện tích tự nhiên còn lại của xã Sơn Đông và 0,5 km² diện tích tự nhiên còn lại của xã Bình Phú vào Phường 6.

b) Thành lập các thị trấn tại các huyện: (1) thị trấn Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Mỹ Thạnh; (2) thị trấn Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Hương Mỹ; (3) thị trấn Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vĩnh Thành.

2. Sắp xếp đơn vị hành chính và phát triển đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030

a) Thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã

- Huyện Bình Đại (sắp xếp các xã: xã Long Định, xã Long Hòa, xã Phú Thuận, xã Vang Quới Đông và xã Vang Quới Tây): thành lập xã mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của (1) xã Vang Quới Đông, xã Vang Quới Tây và xã Thới Lai; (2) xã Long Định, xã Long Hòa và xã Phú Thuận.

- Huyện Mỏ Cày Nam (sắp xếp xã Ngãi Đăng): thành lập xã mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số xã Ngãi Đăng và xã Cẩm Sơn.

- Huyện Châu Thành (sắp xếp các xã: xã Quới Thành, xã Thành Triệu, xã Phước Thạnh): thành lập xã mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của (1) xã Quới Thành, xã Thành Triệu và xã Phú Đức; (2) xã Phước Thạnh và xã Hữu Định.

- Huyện Giồng Trôm (sắp xếp xã Lương Quới và xã Thuận Điền): thành lập xã mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của (1) xã Lương Quới và xã Lương Hòa; (2) xã Thuận Điền và xã Sơn Phú.

- Huyện Thạnh Phú (sắp xếp xã An Nhơn và xã An Thạnh): (1) thành lập xã mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã An Nhơn và xã An Qui; (2) nhập 7,64 km² diện tích tự nhiên của xã An Thạnh vào xã An Thuận; điều chỉnh 01 km² diện tích tự nhiên còn lại của xã An Thạnh (ấp An Bình) vào thị trấn Thạnh Phú.

- Huyện Mỏ Cày Bắc và Chợ Lách (sắp xếp xã Phú Mỹ và xã Vĩnh Hòa): thành lập xã mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Hòa, xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách và xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc.

b) Thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện

- Mở rộng thành phố Bến Tre: điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện Châu Thành vào thành phố Bến Tre.

- Điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc vào huyện Chợ Lách (theo phương án sắp xếp xã Phú Mỹ và xã Vĩnh Hòa).

c) Thành lập các đơn vị hành chính đô thị

- Thành lập thị xã Bình Đại: thành lập thị xã Bình Đại trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Bình Đại. Thành lập 09 phường thuộc thị xã Bình Đại trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Bình Đại và 08 xã: Bình Thắng, Bình Thới, Đại Hòa Lộc, Thừa Đức, Thới Thuận, Thạnh Phước, Lộc Thuận và Châu Hưng.

- Thành lập thị xã Ba Tri: thành lập thị xã Ba Tri trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Ba Tri. Thành lập 12 phường thuộc thị xã Ba Tri trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 thị trấn: Tiệm Tôm, Ba Tri và 10 xã: Vĩnh Hòa, Vĩnh An, An Đức, An Bình Tây, Phú Lễ, Tân Xuân, Mỹ Chánh, An Ngãi Trung, Tân Thủy, Mỹ Nhơn.

- Thành lập thị xã Mỏ Cày: thành lập thị xã Mỏ Cày trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện Mỏ Cày Nam. Thành lập 08 phường thuộc thị xã Mỏ Cày trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 thị trấn: Mỏ Cày, Hương Mỹ (thành lập thị trấn trong giai đoạn 2023 - 2025) và 06 xã: Tân Hội, An Thạnh, An Định, Đa Phước Hội, Phước Hiệp, Định Thủy.

- Thành lập các phường thuộc thành phố Bến Tre: (1) thành lập phường Nhơn Thạnh trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nhơn Thạnh; (2) thành lập phường Mỹ Thạnh An trên cơ sở diện tích tự nhiên 7,29 km² của xã Mỹ

Thanh An; (3) thành lập phường Phú Nhuận trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Nhuận và 3 km² diện tích tự nhiên còn lại của xã Mỹ Thạnh An.

Ngoài ra, khi thực hiện nhập huyện Châu Thành vào thành phố Bến Tre sẽ định hướng thành lập thêm 06 phường, gồm: phường Châu Thành, phường Tiên Thủy, phường Quới Sơn, phường Tam Phước, phường Tân Thạch, phường Tân Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã, thị trấn tương ứng của huyện Châu Thành.

- Thành lập thị trấn: thành lập thị trấn Giao Thạnh trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, đảm bảo lộ trình thực hiện phù hợp giữa việc sắp xếp đơn vị hành chính và phát triển đơn vị hành chính đô thị theo tình hình thực tế tại địa phương và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của tỉnh Bến Tre năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 77-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bến Tre năm 2022 – 2026;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 3234-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bến Tre năm 2025;

Xét Tờ trình số 7837/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng

biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của tỉnh Bến Tre năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội của tỉnh Bến Tre năm 2025 là 21.480 biên chế (giảm 232 biên chế so với năm 2024), cụ thể như sau:

1. Tổng số biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là 1.721 biên chế (giảm 18 biên chế so với năm 2024).

2. Tổng số số lượng người làm việc (biên chế viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập là 19.623 biên chế (giảm 214 biên chế so với năm 2024, gồm giảm 413 biên chế theo lộ trình, bổ sung 199 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo), cụ thể:

a) Tổng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được phê duyệt (tính giảm theo lộ trình) là 18.916 biên chế.

b) Bổ sung 707 biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập (từ năm học 2022 - 2023: 270 biên chế; năm học 2023 - 2024: 238 biên chế; năm học 2024 - 2025: 199 biên chế).

3. Tổng số số lượng người làm việc trong các tổ chức hội là 136 người (giữ nguyên như năm 2024).

Điều 2. Số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ được ký kết tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập nhóm 4 trên địa bàn tỉnh năm 2025 để làm công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chưa được bố trí đủ theo định mức theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập là 691 hợp đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định giao biên chế cán bộ, công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức hội; quyết định số lượng hợp đồng lao động trong phạm vi tổng biên chế, số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng lao động được phê duyệt tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết này. Thời gian thực hiện tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

b) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và đảm bảo bố trí kinh phí từ ngân sách để thực hiện số lượng hợp đồng lao động tại Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 42 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương thực hiện
Dự án Khôi phục và nâng cấp sông Ba Lai đoạn từ ngã ba
Giao Hòa – Chệt Sậy đến cống đập Ba Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X – KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6
năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Xây dựng;*

*Xét Tờ trình số 7800/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 03
tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương thực hiện Dự
án Khôi phục và Nâng cấp sông Ba Lai đoạn từ ngã ba Giao Hòa – Chệt Sậy đến
cống đập Ba Lai; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương thực hiện Dự án Khôi phục và nâng cấp sông Ba Lai đoạn từ ngã ba Giao Hòa – Chệt Sậy đến cống đập Ba Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Kết quả giám sát về tiến độ xây dựng Đề án
Làng văn hóa du lịch Chợ Lách

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Đoàn giám sát về tiến độ xây dựng Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách;

Xem xét Báo cáo số 359/BC-ĐGS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về tiến độ xây dựng Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách;

Xét Tờ trình số 360/TTr-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết kết quả giám sát về tiến độ xây dựng Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất nội dung Báo cáo số 359/BC-ĐGS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về tiến độ xây dựng Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách.

Điều 2. Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách thực hiện các kiến nghị của Đoàn giám sát như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách tổ chức sơ kết đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện Đề án trên địa bàn huyện; đề xuất, kiến nghị cụ thể những vấn đề có liên quan, nhất là những nội dung cần phải được điều chỉnh, bổ sung vào trong Đề án như: quy hoạch, đất đai, giao thông, viễn thông, điện, công trình thiết yếu, kinh phí, thời gian thực hiện Đề án.... Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị sơ kết đánh giá chung tình hình, kết quả thực hiện Đề án, qua đó xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung Đề án cho phù hợp.

b) Nghiên cứu tích hợp Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách và Đề án phát triển Cây giống và Hoa kiểng Chợ Lách mang tầm Quốc gia thành một đề án chung để tập trung thực hiện trong giai đoạn mới.

c) Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án giai đoạn tiếp theo, trong đó phân công cụ thể nội dung, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian hoàn thành, lộ trình và phân bổ vốn để thực hiện trong giai đoạn mới. Thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các nội dung trong Đề án để chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

d) Chỉ đạo các sở, ngành tỉnh có liên quan:

- Thực hiện tốt vai trò là thành viên tư vấn của Ban Điều hành Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách; phối hợp, hỗ trợ huyện thực hiện các nội dung của Đề án, đặc biệt là kịp thời hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án.

- Cân đối các nguồn vốn để bố trí kinh phí thực hiện các nội dung trong Đề án, trước mắt là ưu tiên bố trí nguồn vốn xây dựng cầu Vàm Mơn và Cầu Đông Kinh; xây dựng hệ thống chiếu sáng 03 Huyện lộ 34, 35, 37; xây dựng cổng chào và mô hình biểu tượng cho Làng văn hóa du lịch.

- Tích cực hướng dẫn, hỗ trợ huyện Chợ Lách thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai, môi trường trong hoạt động du lịch, đặc biệt là thủ tục về đất đai, môi trường liên quan đến các dự án: Trung tâm điều phối Làng Văn hóa Du lịch - Trạm dừng chân; xây dựng khu homestay khu vực Cồn Cái Gà; Trung tâm Thương mại Cây giống và Hoa kiểng Chợ Lách.

- Hỗ trợ huyện mời gọi các nhà đầu tư đến khảo sát để đầu tư các dự án: Trung tâm điều phối Làng Văn hóa Du lịch - Trạm dừng chân; xây dựng khu homestay khu vực Cồn Cái Gà; Trung tâm Thương mại Cây giống và Hoa kiểng Chợ Lách.

- Tiếp tục hỗ trợ huyện đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch địa phương, nhất là đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho các hộ dân tham gia hoạt động du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành Làng văn hóa du lịch; tạo điều kiện cho huyện Chợ Lách được tham quan, học tập mô hình Làng văn hóa du lịch hoạt động hiệu quả ở các địa phương khác để vận dụng thực hiện; hỗ trợ huyện xúc tiến, quảng bá, kết nối du lịch và khai thác có hiệu quả Fanpage Facebook, kênh Youtube và website Làng văn hóa du lịch Chợ Lách để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá những nét đẹp văn hóa, lịch sử, con người và cảnh quan của Chợ Lách.

2. Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan rà soát, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện từng nội dung trong Đề án, đối chiếu với tình hình thực tế của địa phương và các quy định pháp luật có liên quan để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh nội dung (quy hoạch, đất đai, giao thông, viễn thông, điện, công trình thiết yếu, kinh phí,...) và thời gian thực hiện Đề án cho phù hợp; đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

b) Biên soạn tài liệu tuyên truyền về các hoạt động của Đề án và đẩy mạnh tuyên truyền đến từng nhóm đối tượng, thành phần có liên quan nhằm tạo sự đồng thuận, niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với việc thực hiện Đề án, đặc biệt là phải tuyên truyền cụ thể, rõ ràng nhưng việc mà người dân nên chủ động thực hiện trước; nhân rộng những mô hình, cách làm hay, hiệu quả nhằm tạo lan tỏa sâu rộng trên địa bàn huyện; phát huy vai trò là chủ thể của người dân trong thực hiện Đề án.

c) Chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn những công việc mà huyện cần thực hiện ngay liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất... theo quy định pháp luật đối với sân bóng đá xã Phú Sơn, phần đất K26 và khu vực Cồn Cái Gà để chuẩn bị cho việc mời gọi đầu tư các dự án; hướng dẫn người dân thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, môi trường khi tham gia hoạt động du lịch.

d) Trong khả năng cân đối ngân sách của huyện, ưu tiên bố trí kinh phí triển khai thực hiện các nội dung, phần việc của địa phương; chủ động phối hợp với các sở, ngành tỉnh để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn lồng ghép có liên quan trong các Chương trình mục tiêu, chuyển đổi số, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, đào tạo nghề, phát triển du lịch,...; tích cực huy động nguồn vốn doanh nghiệp và xã hội hóa trong dân để triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong Đề án.

đ) Tiếp tục xây dựng thương hiệu và đẩy mạnh truyền thông, quảng bá cho các sản phẩm du lịch; tăng cường các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, hướng đến mô hình sản xuất sạch, an toàn; khai thác tốt các giá trị văn hóa địa phương và làng nghề truyền thống để phát triển du lịch; xây dựng cơ chế, bộ máy quản lý và quy tắc ứng xử trong Làng; xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm; chủ động phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho người làm du lịch nhằm hướng tới phát triển du lịch an toàn, văn minh, thân thiện.

e) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phát triển du lịch ở địa phương; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thể hiện quyết tâm chính trị cao, chủ động, linh hoạt trong triển khai thực hiện Đề án; kiện toàn nhân sự Phòng Văn hóa và Thông tin; phân công bộ phận làm đầu mối để liên hệ, kết nối du lịch của huyện; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị cùng tham gia vào việc tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực để tập trung thực hiện Đề án.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện vào các kỳ họp thường lệ cuối năm Hội đồng nhân dân tỉnh cho đến khi hoàn thành xong các kiến nghị.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ
của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 370/TTr-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025, dự kiến ban hành 49 nghị quyết như sau:

1. Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa X: dự kiến tổ chức vào tháng 7 năm 2025, ban hành 31 nghị quyết:

Số TT	Tên nghị quyết	Cơ quan trình nghị quyết	Cơ quan thẩm tra nghị quyết
1	Nghị quyết về bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng cuối năm 2025	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách

Số TT	Tên nghị quyết	Cơ quan trình nghị quyết	Cơ quan thẩm tra nghị quyết
3	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
4	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
5	Nghị quyết về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã năm 2025 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban pháp chế
6	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách và trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu phố đôi dư do thực hiện nhập ấp, khu phố	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
7	Nghị quyết về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bến Tre giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát tàu cá cho ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát trên tàu cá trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
9	Nghị quyết quy định mức thu học phí năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

Số TT	Tên nghị quyết	Cơ quan trình nghị quyết	Cơ quan thẩm tra nghị quyết
17	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; thu hút nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2024-2030	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
18	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
19	Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế hoạt động của Cụm công nghiệp Long Phước, xã Giao Long - xã An Phước, huyện Châu Thành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
20	Nghị quyết về chính sách ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa và dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
21	Nghị quyết về một số cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
22	Nghị quyết về việc bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua chủ trương đề xuất Dự án đầu tư các khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
23	Nghị quyết về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp An Nhơn, huyện	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

Số TT	Tên nghị quyết	Cơ quan trình nghị quyết	Cơ quan thẩm tra nghị quyết
	Thanh Phú		
24	Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
25	Nghị quyết bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định về mức thu học phí của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
26	Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
27	Nghị quyết bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
28	Nghị quyết chủ trương điều chỉnh điều lệ tổ chức, hoạt động, quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
29	Nghị quyết về báo cáo kết quả giám sát công tác quản lý và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
30	Nghị quyết về Chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

Số TT	Tên nghị quyết	Cơ quan trình nghị quyết	Cơ quan thẩm tra nghị quyết
31	Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa X	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	

2. Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa X: dự kiến tổ chức vào đầu tháng 12 năm 2025, sẽ ban hành 18 nghị quyết sau:

Số TT	Tên nghị quyết	Cơ quan trình nghị quyết	Cơ quan thẩm tra nghị quyết
1	Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre 5 năm 2026-2030	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Nghị quyết về phân bổ danh mục chi tiết và kế hoạch vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
4	Nghị quyết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2026-2030	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
6	Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
7	Nghị quyết về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách

Số TT	Tên nghị quyết	Cơ quan trình nghị quyết	Cơ quan thẩm tra nghị quyết
8	Nghị quyết về việc quy định chính sách hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
9	Nghị quyết phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
10	Nghị quyết thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban kinh tế - ngân sách
11	Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
12	Nghị quyết về việc thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu du lịch sinh thái Cồn Tân Mỹ, huyện Châu thành	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
13	Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
14	Nghị quyết về việc phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của tỉnh Bến Tre năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban pháp chế

Số TT	Tên nghị quyết	Cơ quan trình nghị quyết	Cơ quan thẩm tra nghị quyết
15	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
16	Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2026-2030	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
17	Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Ủy ban nhân dân tỉnh	03 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh
18	Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa X	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các cơ quan tham mưu Nghị quyết chủ động có kế hoạch tổ chức xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm chất lượng, tiến độ và đúng quy trình theo quy định của pháp luật.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh nội dung mới hoặc rút dự thảo Nghị quyết khỏi Kế hoạch, Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh trong kỳ họp gần nhất.
3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát các nghị quyết tại Điều 1 của Nghị quyết này, đối với những nghị quyết có tính chất đặc thù của địa phương, tuân thủ đúng quy trình theo quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm

pháp luật năm 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45 /NQ-HĐND

*Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024***NGHỊ QUYẾT****Thành lập Đoàn giám sát về công tác quản lý và sử dụng đất công
trên địa bàn tỉnh Bến Tre****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025;**Xét Tờ trình số 366/TTr-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát về công tác quản lý và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Thống nhất thành lập Đoàn giám sát về công tác quản lý và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh Bến Tre với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi và đối tượng giám sát:

a) Phạm vi giám sát: trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng giám sát: một số cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực đất đai.

2. Nội dung giám sát:

Công tác quản lý và sử dụng đất đối với đất do Nhà nước quản lý nhưng chưa đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Thành phần Đoàn giám sát: theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

4. Cơ quan chịu sự giám sát:

a) Cơ quan chịu sự giám sát trực tiếp:

- Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sở Tài chính.

- Ủy ban nhân dân các huyện: Bình Đại, Ba Tri, Chợ Lách, Châu Thành, Thạnh Phú và thành phố Bến Tre.

b) Cơ quan chịu sự giám sát qua báo cáo:

Ủy ban nhân dân các huyện: Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Giồng Trôm.

5. Kế hoạch giám sát: theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Phân công nhiệm vụ

1. Phân công ông Huỳnh Quang Triệu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng Đoàn giám sát, chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các hoạt động của Đoàn giám sát.

2. Phân công ông Nguyễn Văn Tân, Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng Đoàn thường trực, giúp Đoàn giám sát về nội dung của chuyên đề giám sát; giúp Đoàn giám sát xây dựng chương trình, thông báo nội dung, đề cương báo cáo cho các cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát và thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Đoàn giám sát phân công.

3. Phân công ông Nguyễn Văn Khiêm, Phó Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng Đoàn chịu trách nhiệm chính trong việc nghiên cứu nội dung chuyên đề giám sát; dự thảo báo cáo kết quả giám sát và thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Đoàn giám sát phân công.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo khoản 2 Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát tại phiên họp lệ kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 5 năm 2025 và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp thường lệ giữa năm 2025.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên Đoàn giám sát, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục I
THÀNH PHẦN ĐOÀN GIÁM SÁT
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT CÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

*(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

1. Thành viên Đoàn giám sát:

- a) Ông Huỳnh Quang Triệu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh - Trưởng Đoàn giám sát.
- b) Ông Nguyễn Văn Tân, Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh - Phó Trưởng Đoàn thường trực.
- c) Ông Nguyễn Văn Khiêm, Phó Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh - Phó Trưởng Đoàn.
- d) Bà Hồ Thị Tuyết Minh, Phó Trưởng Ban văn hóa – xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh - Ủy viên.
- đ) Ông Lâm Văn Tân, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đơn vị huyện Thạnh Phú - Ủy viên.
- e) Ông Bùi Quang Sơn, Tỉnh ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đơn vị huyện Mỏ Cày Bắc - Ủy viên.
- g) Ông Phan Việt Hòa, Phó Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đơn vị huyện Giồng Trôm - Ủy viên.
- h) Ông Lê Thanh Bằng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đơn vị huyện Giồng Trôm - Ủy viên.
- i) Ông Nguyễn Văn Bé Tư, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đơn vị huyện Mỏ Cày Nam – Ủy viên.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần thiết phải thay đổi thành viên Đoàn giám sát, Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Mời đại diện các cơ quan tham gia Đoàn giám sát:

- a) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
- b) Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện: Bình Đại, Ba Tri, Chợ Lách, Châu Thành, Thạnh Phú và thành phố Bến Tre (khi Đoàn giám sát đến làm việc tại địa phương).
- c) Lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thư ký Đoàn giám sát: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

Phụ lục II
KẾ HOẠCH GIÁM SÁT
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT CÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

Nắm bắt tình hình về công tác quản lý và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh. Qua giám sát, nhận xét, đánh giá những mặt đạt được, tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện và nguyên nhân; kiến nghị, đề xuất các giải pháp để thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu:

Việc tổ chức hoạt động giám sát đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, đảm bảo đúng phạm vi và thời gian theo kế hoạch.

Các thành viên Đoàn giám sát bố trí thời gian tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn giám sát. Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát chuẩn bị báo cáo các nội dung theo Đề cương giám sát và gửi về Đoàn giám sát theo thời gian quy định.

II. Nội dung giám sát

Công tác quản lý và sử dụng đất đối với đất do Nhà nước quản lý nhưng chưa đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

III. Phương pháp và tiến độ thực hiện kế hoạch giám sát

1. Phương pháp giám sát:

a) Đoàn giám sát tổ chức khảo sát thực tế công tác quản lý và sử dụng đất công trên địa bàn huyện và làm việc với Ủy ban nhân dân một số huyện, thành phố chịu sự giám sát trực tiếp. Sau đó, Đoàn giám sát làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh và một số sở, ngành chức năng có liên quan.

b) Sau khi làm việc với các cơ quan chịu sự giám sát, Đoàn giám sát họp thông qua dự thảo Báo cáo kết quả giám sát trước khi trình Báo cáo tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 5 năm 2025.

2. Tiến độ thực hiện kế hoạch giám sát:

a) Các cơ quan chịu sự giám sát gửi báo cáo về Đoàn giám sát trước ngày 21 tháng 02 năm 2025 (qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh).

b) Tháng 3, 4 năm 2025: họp Đoàn giám sát phân công các thành viên nghiên cứu nội dung giám sát. Tiến hành giám sát đối với các cơ quan chịu sự giám sát.

c) Tuần thứ 01 của tháng 5 năm 2025: họp Đoàn giám sát thông qua dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

d) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát vào phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 5 năm 2025.

đ) Báo cáo kết quả giám sát sẽ được trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, Đoàn giám sát gửi Đề cương báo cáo chi tiết đến các cơ quan chịu sự giám sát để báo cáo theo đúng quy định của khoản 2 Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Các Phó Trưởng đoàn giám sát chủ động phối hợp thực hiện nhiệm vụ giúp Trưởng đoàn tổ chức thực hiện Kế hoạch giám sát, kịp thời báo cáo tiến độ thực hiện và những vấn đề khó khăn phát sinh cho Trưởng đoàn để cho ý kiến xử lý.

3. Lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh cử cán bộ, công chức Văn phòng tham mưu, phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát, đồng thời đảm bảo các điều kiện phục vụ tốt các hoạt động của Đoàn giám sát.

4. Kinh phí phục vụ hoạt động giám sát được chi từ nguồn kinh phí của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường An Hội, TP.Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: congbaobentre@bentre.gov.vn;

Website: congbao.bentre.gov.vn